

Số: 33 /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 28 tháng 9 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng  
vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH  
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 02**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị đã được hợp nhất tại Văn bản số 49/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng được hợp nhất tại Văn bản số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;*

*Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020;*

*Căn cứ Quyết định 804/QĐ-TTg ngày 9/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; Quyết định 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

Xét Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 13/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

*(Nội dung chính tại Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành, khóa XII, kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2021. /.

### **Nơi nhận:**

- TT. HỖND, UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- TT. HU, TT. HỖND huyện;
- UBMTTQ huyện, UBND huyện;
- ĐB HỖND huyện;
- Ủy viên UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- TT. HỖND, UBND xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *h*

**CHỦ TỊCH**



**Huyện Công Lập**



## PHỤ LỤC

### Các nội dung chính đồ án Quy hoạch xây dựng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

#### 2. Phạm vi, ranh giới và giai đoạn lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của huyện Châu Thành (bao gồm 14 đơn vị hành chính, trong đó: 1 thị trấn và 13 xã) với tổng diện tích tự nhiên là 349,01km<sup>2</sup>, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp Thành phố Trà Vinh
- Phía Đông Bắc giáp huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre
- Phía Đông giáp huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre
- Phía Đông Nam giáp huyện Cầu Ngang
- Phía Nam giáp với huyện Trà Cú
- Phía Tây giáp huyện Tiểu Cần
- Phía Tây Bắc giáp huyện Càng Long.

2.2. Giai đoạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

#### 3. Mục tiêu quy hoạch

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh gắn với mục tiêu, định hướng tái cơ cấu nông nghiệp, thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn phát triển; phát triển du lịch dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp phù hợp với quá trình đô thị hóa; hình thành khu vực dân cư và cơ sở hạ tầng trên địa bàn cấp huyện phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nhằm từng bước chuẩn bị cho việc hình thành đô thị trên địa bàn; nâng cao điều kiện sống người dân. Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện;

#### 4. Tầm nhìn, tính chất phát triển vùng

4.1. Tầm nhìn phát triển vùng:

Hình ảnh và vị thế phải hướng tới của huyện Châu Thành được xác định:

- Năm 2021: Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh Trà Vinh, xây dựng huyện nông thôn mới phù hợp với quá trình đô thị hóa;

- Đến năm 2030: Là huyện phát triển của tỉnh. Là vùng không gian lãnh thổ phát triển bền vững có chất lượng sống tốt, vùng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NN CNC) theo hướng sản xuất hàng hóa lớn. Phát triển công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp. Phát triển du lịch danh lam thắng cảnh, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng;

- Đến năm 2040: Là vùng động lực hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội phía đông nam của tỉnh. Trung tâm về vùng nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, đầu mối thương mại, dịch vụ phía đông của tỉnh.

4.2. Tính chất phát triển vùng:

- Là động lực hỗ trợ phát triển kinh tế của Cụm phát triển phía Bắc của tỉnh Trà Vinh (gồm Thành phố Trà Vinh, huyện Càng Long và huyện Châu Thành);

- Là vùng nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao, chủ yếu phát triển vùng chuyên canh sản xuất lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản. Phát triển du lịch sinh thái, công nghiệp nhẹ tập trung, chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

- Là đầu mối giao thông đường bộ, đường thủy của vùng, quốc gia; có vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh.

## **5. Các dự báo phát triển vùng**

### **5.1. Dự báo về dân số, lao động:**

- Đến năm 2030, tổng dân số toàn huyện dự báo khoảng: 162.000 người (trong đó: Đô thị là 7.600 người; Nông thôn là 154.400 người);

- Đến năm 2040, tổng dân số toàn huyện dự báo khoảng: 179.300 người (trong đó: Đô thị là 10.200 người; Nông thôn là 169.100 người);

- Lao động: Dự kiến đến năm 2030: khoảng 93.960 người, chiếm 58% tổng dân số; Đến năm 2040: khoảng 103.280 người, chiếm 57,6% dân số.

### **5.2. Dự báo về nhu cầu đất đai**

- Đất đô thị: Diện tích đất đô thị là 344 ha cho giai đoạn đến năm 2030 và 2040 (là diện tích thị trấn Châu Thành).

- Đất ở: Giai đoạn đến năm 2030, diện tích đất ở đô thị dự báo tăng 10,07 ha, bình quân 70m<sup>2</sup>/người; Đất ở nông thôn dự báo là 164,34 ha (bình quân 100 m<sup>2</sup>/người). Giai đoạn đến năm 2040, diện tích đất ở đô thị tăng thêm là 18,20 ha, bình quân 70m<sup>2</sup>/người; Đất ở nông thôn là khoảng 147,0 ha (bình quân 100 m<sup>2</sup>/người)

- Đất khu, cụm công nghiệp:

+ Giai đoạn đến 2030: khoảng 44,6 ha đất công nghiệp, dự kiến tỷ lệ lấp đầy trung bình trên 80%.

+ Giai đoạn đến 2040: khoảng 126 ha đất công nghiệp. Phát triển trên quỹ đất công nghiệp hình thành trong giai đoạn 2030, tiếp tục hình thành mới 02 cụm công nghiệp. Dự kiến tăng tỷ lệ lấp đầy khoảng 80%.

## **6. Định hướng phát triển không gian vùng**

### **6.1. Mô hình cấu trúc phát triển vùng:**

Không gian vùng huyện Châu Thành phát triển theo cấu trúc như sau:

Các trục không gian kinh tế chính: Có 14 trục chính, trong đó có 08 trục dọc theo hướng Bắc Nam và 06 trục ngang theo hướng Đông Tây:

- 08 trục dọc theo hướng bắc-nam: Gồm Trục dọc I - Quốc lộ 60 mới; Trục dọc II- Tỉnh lộ 911 và đường mới H1; Trục dọc III - Trục phía tây, đường mở mới H2; Trục dọc IV - Đường mới H4; Trục dọc V - Quốc lộ 54; Trục dọc VI - Quốc lộ 53; Trục dọc VII - Tỉnh lộ 915B; Trục dọc VIII - Huyện lộ 30 (đường du lịch 2 xã đảo).

- 06 trục ngang theo hướng đông - tây: Gồm Trục ngang A - Tỉnh lộ 912; Trục ngang B - Trục động lực (đường 30/4 hay Huyện lộ 16); Trục ngang C - Đường H3 mở mới; Trục ngang D - Quốc lộ 60; Trục ngang E - Quốc lộ 53; Trục ngang F - Đường vành đai thành phố.

- Điểm đô thị hạt nhân:

+ Thị trấn Châu Thành: Đô thị loại V, là trung tâm về hành chính, chính trị, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại dịch vụ, du lịch của huyện. Định hướng phát triển theo tiêu chí đô thị loại IV.

+ Khu vực xã Hưng Mỹ: Trên cơ sở hạ tầng hiện hữu xã Hưng Mỹ, phát triển theo tiêu chí đô thị loại V. Trung tâm về thương mại dịch vụ, du lịch.

## 6.2. Phân vùng phát triển:

Huyện Châu Thành được xác định phát triển không gian theo 04 tiểu vùng:

- Tiểu vùng I: Tiểu vùng đảo
- Tiểu vùng II: Tiểu vùng phía Đông
- Tiểu vùng III: Tiểu vùng trung tâm.
- Tiểu vùng IV: Tiểu vùng phía Tây

### 6.2.1 Tiểu vùng I: Tiểu vùng đảo - Du lịch, sinh thái

Bao gồm xã Hòa Minh, xã Long Hòa và Cồn Cò (xã Hưng Mỹ).

- Quy mô đất: 9.193 ha, chiếm 26.3% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng 2020: 20.626 người.

+ Đến năm 2030: 23.140 người

+ Đến năm 2040: 25.296 người.

- Trung tâm tiểu vùng: Xã Hòa Minh.

- Định hướng phát triển: Trung tâm du lịch sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao về nuôi trồng thủy sản và thương mại dịch vụ.

+ Đến năm 2030:

Xây dựng cơ hạ tầng du lịch, khai thác điều kiện tự nhiên, cảnh quan xã đảo.

Phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

Phát triển vùng chuyên nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến với các đối tượng nuôi chủ lực, giá trị kinh tế lớn và các loài mới có tiềm năng.

Phát triển thương mại dịch vụ, phục vụ nhu cầu giao lưu hàng hóa và du lịch.

+ Đến năm 2040:

Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch, thương mại dịch vụ và khu vực xã Hòa Minh, trung tâm của tiểu vùng I.

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật các xã.

### 6.2.2 Tiểu vùng II: Tiểu vùng phía Đông - Thương mại dịch vụ, nông nghiệp

Bao gồm xã Hưng Mỹ (không có Cồn Cò), xã Phước Hảo, xã Hòa Lợi, xã Hòa Thuận.

- Quy mô đất: 7.780 ha, chiếm 22.3% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng 2020: 43.492 người.

+ Đến năm 2030: 48.960 người

+ Đến năm 2040: 53.304 người.

- Trung tâm tiểu vùng: Xã Hưng Mỹ. Phát triển xã Hưng Mỹ theo tiêu chí của đô thị loại V.

- Định hướng phát triển: Trung tâm thương mại dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái.

+ Đến năm 2030:

Phát triển thương mại dịch vụ tại khu vực xã Hưng Mỹ - trung tâm tiểu vùng II, phục vụ nhu cầu giao lưu hàng hóa, công nghiệp và du lịch.

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao với các vùng chuyên canh ứng dụng công nghệ tiên tiến với các đối tượng cây trồng có giá trị kinh tế lớn và có tiềm năng.

Phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp...

+ Đến năm 2040:

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho các xã.

Hoàn thiện, nâng cấp cơ sở hạ tầng xã Hưng Mỹ theo tiêu chuẩn đô thị loại V.

Phấn đấu nâng cấp lên đô thị loại V vào giai đoạn sau năm 2040.

### 6.2.3 Tiểu vùng III: Tiểu vùng trung tâm - Kinh tế động lực

Bao gồm thị trấn Châu Thành, xã Đa Lộc, xã Mỹ Chánh, xã Thanh Mỹ.

- Quy mô đất: 6.615 ha, chiếm 19% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng 2020: 30.888 người.

+ Đến năm 2030: 34.800 người.

+ Đến năm 2040: 40.700 người.

- Trung tâm tiểu vùng: Thị trấn Châu Thành (đô thị loại V). Phát triển thị trấn Châu Thành theo các tiêu chí đô thị loại IV.

- Định hướng phát triển: Trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, chuyển giao công nghệ, thương mại dịch vụ, du lịch, nông nghiệp.

+ Đến năm 2030:

Hoàn thiện chức năng trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế của huyện.

Phát triển vụ thương mại dịch vụ, cung ứng, hỗ trợ cho công nghiệp, nông nghiệp và du lịch.

Xây dựng hạ tầng du lịch, kết nối các điểm du lịch của huyện Châu Thành với hệ thống du lịch của tỉnh và của miền Tây Nam Bộ.

Phát triển nông nghiệp chất lượng cao, ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến.

+ Đến năm 2040:

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của các xã, thị trấn.

Hoàn thiện chỉ tiêu đô thị của thị trấn Châu Thành theo tiêu chuẩn đô thị loại IV, đủ điều kiện nâng cấp đô thị loại IV giai đoạn sau năm 2040.

### 6.2.4 Tiểu vùng IV: Tiểu vùng phía Tây - Công nghiệp, dịch vụ du lịch

Bao gồm xã Song Lộc, xã Nguyệt Hóa, xã Lương Hòa, xã Lương Hòa A.

- Quy mô đất: 11.313 ha, chiếm 32,4% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng 2020: 49.122 người.

+ Đến năm 2030: 55.100 người

+ Đến năm 2040: 60.000 người.

- Trung tâm tiểu vùng: Xã Song Lộc.

- Định hướng phát triển: Phát triển công nghiệp - TTCN, thương mại dịch vụ, du lịch, nông nghiệp.

+ Đến năm 2030:

Phát triển công nghiệp đa ngành, ưu tiên công nghiệp chế biến với các nguồn nguyên liệu tại địa phương như chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy sản. Phát triển TTCN, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

Phát triển thương mại dịch vụ hỗ trợ khu công nghiệp và quần thể các công trình du lịch phía tây của huyện.

Phát triển nông nghiệp chất lượng cao, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến.

+ Đến năm 2040:

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các vấn đề tác động đến môi trường.

Hoàn thiện hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của các xã.

Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng xã Song Lộc hướng tới lên đô thị loại V giai đoạn sau năm 2040.

6.3. Định hướng tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn

6.3.1. Định hướng không gian phát triển đô thị

a. Hệ thống đô thị:

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện các khu chức năng phục vụ đô thị và toàn huyện. Xây dựng thị trấn Châu Thành với cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ, thúc đẩy phát triển tiểu vùng kinh tế động lực và của huyện Châu Thành.

Đầu tư xây dựng hệ thống công trình thương mại dịch vụ, du lịch trên trục quốc lộ 54 và huyện lộ 16 (đường 30/4). Xây dựng hạ tầng đô thị gắn kết với hạ tầng khu vực nông thôn, tạo sự phát triển đồng bộ trên địa bàn toàn huyện.

Nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng đô thị của trấn Châu Thành. Không gian đô thị thị trấn Châu Thành xác định mở rộng về phía Nam, dọc tuyến Quốc lộ 54 mở sang 2 bên, hướng đi xã Đa Lộc và Mỹ Chánh.

- Đến năm 2040:

Tiếp tục củng cố cơ sở hạ tầng đô thị của thị trấn Châu Thành, xây dựng hạ tầng đô thị theo tiêu chí của đô thị loại IV.

Nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng trên cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của các xã thuộc khu vực đô thị hóa và các xã thuộc khu vực phát triển đô thị chính là tạo vùng đệm kết nối đô thị, nông thôn và làm tiền đề phát triển hệ thống đô thị giai đoạn dài hạn của huyện Châu Thành.

- Khu vực đô thị hóa, các khu vực phát triển đô thị:

+ Khu vực đô thị hóa: Là khu vực các xã phía bắc huyện, giáp ranh thị trấn và thành phố Trà Vinh, gồm Nguyệt Hóa, Lương Hòa, Hòa Thuận, Hòa Lợi. Đây là khu vực có mật độ dân cư cao hơn so với mật độ dân cư bình quân của toàn huyện. Là khu vực có hình thái phân bố dân cư dọc các tuyến đường giao thông chính với mật độ xây dựng cao cao hơn mật độ xây dựng bình quân trên địa bàn.

Đến năm 2030: Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đối với khu vực đô thị hóa theo định hướng chung về phát triển không gian của các tiểu vùng

Đến năm 2040: Tăng cường bố trí các quỹ đất ở mới phục vụ nhu cầu gia tăng dân số, phát triển nhà ở cho khu công nghiệp, nhà ở xã hội và các nhu cầu về nhà ở khác.

+ Các khu vực phát triển đô thị:

Đến năm 2030: Phát triển theo định hướng không gian các tiểu vùng I, II, III, IV.

Đến năm 2040: Xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Hưng Mỹ theo tiêu chí đô thị loại V, phấn đấu đến sau năm 2040 nâng cấp lên đô thị loại V.

Sau năm 2040, xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Song Lộc theo tiêu chí đô thị loại V.

### 6.3.2. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư nông thôn

- Kế hoạch năm 2021: Hoàn thành 13/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Phát triển các điểm dân cư mới trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt.

- Đến năm 2030:

+ Diện tích: 34.556,9 ha.

+ Dân số: 162.000 người.

+ Định hướng phát triển:

Không gian điểm dân cư nông thôn bao gồm 13 xã. Phát triển 05 xã nông thôn mới nâng cao là Hưng Mỹ, Song Lộc, Thanh Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa. Xây dựng các điểm dân cư mới với tổng diện tích 120 ha.

Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho khu vực trung tâm tiểu vùng I, II, IV là các xã Hòa Minh, Hưng Mỹ, Song Lộc. Phát triển thương mại dịch vụ hỗ trợ sản xuất và phục vụ du lịch.

Đẩy mạnh các tiêu chí về quy hoạch, giao thông, y tế, văn hóa, giáo dục, môi trường. Nghiên cứu quy hoạch chi tiết các điểm dân cư bám dọc các trục giao thông mới hình thành trên địa bàn huyện.

Trong quá trình đô thị hóa vì vậy quá trình xây dựng nông thôn mới cần kiểm soát theo các khu vực đặc thù, bảo vệ đất nông nghiệp, cung cấp hạ tầng thiết yếu và các dịch vụ khác giúp khu vực nông thôn phát triển linh hoạt trong tương lai và từng bước đô thị hóa trung tâm các xã.

Động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các trung tâm xã - các điểm dân cư nông thôn để khai thác các tiềm năng sẵn có, tạo động lực mới làm điểm tựa phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn. Vì vậy, hệ thống các điểm dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở phù hợp với định hướng về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế toàn vùng cũng như hiện trạng phân bố dân cư, phù hợp với tập quán sinh hoạt và sản xuất đáp ứng nhu cầu sống và sinh hoạt của Nhân dân. Đảm bảo môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh xã hội được giữ vững.

- Đến năm 2040:

+ Diện tích: 34.556,9 ha.

+ Dân số: 179.300 người.

+ Định hướng phát triển:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn huyện. Cùng cố phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của các xã theo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Xây dựng 02 xã NTM kiểu mẫu là xã Thanh Mỹ, Hòa Minh.

Xây dựng các điểm dân cư mới, tổng diện tích 100 ha.



Xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Hưng Mỹ theo tiêu chí đô thị loại V, phấn đấu đến sau năm 2040 nâng cấp lên đô thị loại V. Sau năm 2040, xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của xã Song Lộc theo tiêu chí đô thị loại V.

Huy động mọi nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn theo quy hoạch, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Tổ chức không gian các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất nông nghiệp và làng nghề truyền thống kết hợp dịch vụ thương mại, thúc đẩy phát triển du lịch.

#### 6.4. Định hướng phân bố không gian phát triển kinh tế

##### 6.4.1. Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

Xây dựng và phát triển công nghiệp chế biến nông sản khai thác các vùng nguyên liệu tại chỗ. Tăng cường hợp tác liên kết giữa các ngành, các doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của công nghiệp. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ cho nông nghiệp.

Tiếp tục phát huy năng lực sản xuất hiện có, đầu tư nâng cấp, mở rộng quy mô sản xuất phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như: chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chế biến bảo quản rau củ quả, sản xuất hàng may mặc, sửa chữa gia công cơ khí, sản xuất hóa dược, dược liệu.

Tích cực xúc tiến thương mại tìm kiếm đối tác khai thác các nguồn vốn, công nghệ để phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Phát triển làng nghề, tiêu thủ công nghiệp kết hợp phát triển du lịch.

Hình thành và mở rộng các cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn huyện Phát triển công nghiệp nhẹ, đa ngành nghề, thúc đẩy phát triển kinh tế của huyện.

Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường, tạo nền tảng bền vững để phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

Phát triển cụm, cơ sở sản xuất công nghiệp phải đảm bảo phù hợp với các quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật; đảm bảo môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ và cảnh quan đô thị, quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

#### *Quy hoạch phát triển công nghiệp tập trung trên địa bàn huyện theo các giai đoạn*

T T	Cụm công nghiệp/ khu sản xuất	Quy mô (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)		Loại hình công nghiệp	Ghi chú
			Đến 2030	Đến 2040		
	<b>Tổng</b>	<b>136,30</b>				
1	Cụm công nghiệp Bà Trâm (Xã Hưng Mỹ)	25,00	80	100	Công nghiệp nhẹ; chế biến nông sản; may mặc	QĐ số 1967/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
2	Cụm công nghiệp Tân Ngai (Xã Lương Hòa A)	10,10	100	100	SX thuốc; hóa dược, dược liệu; chế biến nông sản, thủy sản; may mặc.	QĐ số 2354/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 Bổ sung CCN Tân Ngai, huyện Châu Thành vào Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
3	Cụm công nghiệp Tây Châu Thành (Xã Song Lộc)	50,00	0	80	May mặc; chế biến nông sản; sửa chữa, cơ khí.	Quy hoạch mới dọc trục quốc lộ 60 mới và quốc lộ 60 cũ
4	Cụm CCN Mỹ	31,40	0	80	Công nghiệp	Chuyển đổi quy hoạch Trung tâm đào tạo

T	Cụm công nghiệp/ khu	Quy mô	Tỷ lệ lắp đầy (%)		Loại hình công nghiệp	Ghi chú
	Chánh (Xã Mỹ Chánh)				nhẹ; chế biến nông sản	TV - Trường Đại học công nghiệp thực phẩm TP HCM do không thực hiện thành quy hoạch cụm công nghiệp Mỹ Chánh
5	Khu SX Bảo Tiên (Xã Song Lộc)	9,50	80	100	Sản xuất hàng tiêu dùng	Theo quy hoạch chi tiết xây dựng khu nhà máy sản xuất các mặt hàng tiêu dùng

#### 6.4.2. Phân bố không gian phát triển nông, lâm nghiệp

##### a. Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp

*Giai đoạn 2020-2030:* Tập trung trồng mới, tăng diện tích trồng các loại cây chủ lực trên địa bàn huyện như lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao, rau màu, dưa... Tăng quy mô chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Cụ thể như sau:

- Rau màu: Tại các xã Phước Hảo, Hưng Mỹ và Hòa Lợi.
- Dưa: Tại các xã Lương Hòa, Nguyệt Hóa, Cồn Cò xã Hưng Mỹ, Song Lộc và Thanh Mỹ...
- Lúa: Tại các xã Mỹ Chánh, Đa Lộc, Hưng Mỹ, Song Lộc Thanh Mỹ, Long Hòa và Hòa Minh. Gồm lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao.
- Chăn nuôi: Tại xã Hưng Mỹ, Hòa Lợi, Hòa Thuận.
- Thủy Sản: Tại xã Long Hòa và Hòa Minh.

Hình thành tối thiểu 04 khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao về lúa, cây rau củ quả và thủy sản. Kết hợp sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch.

*Giai đoạn 2030-2040:* Tập trung phát triển các ngành chế biến sâu sau thu hoạch các sản phẩm về nông, lâm nghiệp, tiếp tục phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiến tới nền nông nghiệp hiện đại.

Tiếp tục phát triển các vùng trồng lúa chất lượng cao tại tiểu vùng phía tây và tiểu vùng trung tâm. Phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp phục vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

Phát triển chăn nuôi, quy hoạch vùng chăn nuôi gia súc tập trung và kết hợp trồng cỏ làm thức ăn cho gia súc. Thực hiện có hiệu quả, kịp thời chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, đẩy mạnh đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, giúp người dân có điều kiện tổ chức sản xuất và ổn định việc làm nhằm cải thiện, tăng nhanh thu nhập.

Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, định hướng phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng nền nông nghiệp sạch, áp dụng công nghệ cao nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng để nâng cao chuỗi giá trị gia tăng cho ngành nông nghiệp.

Cùng với định hướng phát triển không gian nông nghiệp, cần có các chính sách hỗ trợ được thực hiện như hỗ trợ xây dựng vùng chuyên canh năng suất, chất lượng, hiệu quả, an toàn và tập trung tại các xã; hỗ trợ phát triển vùng rau an toàn tập trung, hỗ trợ mua máy thu hoạch; hỗ trợ hình thành vùng sản xuất tập trung quy mô lớn; hỗ trợ liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm; hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch.

Cùng với chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực trồng trọt là thực hiện chính sách hỗ trợ hạ tầng chăn nuôi, thủy sản tập trung quy mô lớn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp,

chủ động thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn. Thực hiện các chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi. Quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.

Nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Hình thành tối thiểu 03 khu nông nghiệp thông minh.

Tiến tới phát triển nền nông nghiệp tiên tiến, nông nghiệp sạch.

*b. Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn:* Toàn huyện có 02 trung tâm hỗ trợ dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn:

Vị trí: 01 trung tâm hỗ trợ dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông thôn có vị trí tại khu vực thị trấn Châu Thành, 01 trung tâm tại xã Hòa Minh.

Là nơi có vị trí giao thông thuận lợi, gắn kết với các trung tâm xã và phù hợp đặc điểm của vùng sản xuất, đảm bảo các nội dung: cung cấp trang thiết bị, vật tư, giống phục vụ nông nghiệp, các dịch vụ sau thu hoạch, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và phân phối sản phẩm.

#### 6.4.3 Phân bố không gian phát triển du lịch

Định hướng phát triển không gian du lịch huyện Châu Thành bao gồm các điểm và tuyến du lịch kết nối với du lịch của tỉnh Trà Vinh; khai thác triệt để các tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Đẩy mạnh phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, tài nguyên tự nhiên, với văn hóa các dân tộc trên địa bàn huyện.

Phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng tại huyện Châu Thành: Hình thành các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác các tiềm năng du lịch của huyện, gồm du lịch văn hóa, lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch cuối tuần, du lịch làng nghề, vùng sinh thái nông nghiệp...

- Đến năm 2030:

+ Xây dựng hạ tầng du lịch trên cơ sở khai thác điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch của huyện Châu Thành.

+ Khu vực 2 xã đảo Hòa Minh, Long Hòa và Cồn Cò (xã Hưng Mỹ) phát triển về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng...

+ Khu vực thị trấn Châu Thành và các xã giáp ranh thị trấn, phụ cận thành phố Trà Vinh, phát triển du lịch văn hóa lịch sử, du lịch cộng đồng, trải nghiệm nông nghiệp, sinh thái...

+ Xây dựng hạ tầng du lịch gắn kết du lịch huyện Châu Thành với du lịch toàn tỉnh và miền Tây Nam Bộ.

+ Xây dựng tuyến du lịch tuyến du lịch kết nối quần thể các công trình du lịch tại tiểu vùng phía Tây gồm chùa Phật Quang, khu du lịch sinh thái Phụng Hoàng, làng văn hóa Khmer Nam Bộ; gắn với khu du lịch Ao Bà Om và di tích lịch sử Bờ Lũy - Ao Nam của thành phố Trà Vinh, kết nối với các điểm du lịch của tiểu vùng trung tâm là chùa Hang, trung tâm hành chính huyện, chợ trung tâm và các điểm, khu du lịch sinh thái ven sông, cồn Chim, cồn Cò... thuộc tiểu vùng phía Đông, tiểu vùng đảo, Xây dựng hệ thống công trình thương mại dịch vụ, các điểm dừng chân trên các tuyến tham quan. Kết nối tuyến du lịch của huyện với tuyến du lịch của tỉnh bằng các tuyến đường bộ và đường sông, tạo thành các tuyến tham quan thuận tiện, hấp dẫn.

- Đến năm 2040:

+ Tiếp tục tôn tạo, nâng cấp các điểm du lịch, hoàn thiện các kết nối các điểm du lịch trên địa bàn.

+ Mở rộng và phát triển các loại hình du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch thu hút du khách.

#### 6.4.4 Xác định các vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên:

Kiểm soát phát triển vùng huyện Châu Thành gồm các không gian sau:

- Vùng cảnh quan không gian mở, cảnh quan sinh thái:

+ Vùng cảnh quan sông nước, hồ đập phục vụ cấp nước, thoát nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái.

+ Các khu vực phát triển mới không được làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước mặt, cấp nước sản xuất của các khu vực hiện hữu, phải tính toán giảm thiểu thiệt hại do tác động của thiên tai như lũ, lụt, bão, triều cường, trượt, sạt lở đất... ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Khu vực sản xuất công nghiệp, TTCN, làng nghề:

+ Phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của các đối tượng gây ô nhiễm trong khu công nghiệp, kho tàng, các cơ sở sản xuất, phế thải có tính chất độc hại và các công trình phụ trợ có phát sinh chất thải ngoài dân dụng khác.

+ Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp, kho tàng và cụm công nghiệp với chiều rộng  $\geq 10$  m. Trong khoảng cách an toàn môi trường chỉ bố trí đường giao thông, bãi đỗ xe, công trình cấp điện, hàng rào, cổng, nhà bảo vệ, trạm bơm nước thải, nhà máy hoặc trạm xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn, cơ sở xử lý chất thải rắn và các công trình công nghiệp và kho tàng khác, không được bố trí các công trình dân dụng.

- Khu vực hạn chế, cấm xây dựng:

+ Cấm các hoạt động xây dựng trong khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đất quốc phòng, khu vực phòng thủ; hành lang an toàn lưới điện, hành lang bảo vệ nguồn tài nguyên nước ven sông, hồ chứa nước mặt; các khu vực có nguy cơ sạt lở không ổn định nền đất để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái.

+ Các khu di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc có giá trị cần bảo tồn được quy định riêng trong quy chế quản lý kiến trúc hoặc quy định quản lý của đồ án quy hoạch xây dựng và phải đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, khoảng cách an toàn về môi trường.

#### 6.4.5 Phân bố các không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

- Hệ thống trụ sở cơ quan

+ Đến năm 2030: Chính trang cải tạo trụ sở các xã, thị trấn tại vị trí hiện trạng; Bảo đảm ổn định hoạt động của hệ thống trụ sở các cơ quan, nâng cấp chất lượng phục vụ thông qua các công nghệ mới, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị, cảnh quan trong và ngoài công trình.

+ Đến năm 2040: Tiếp tục nâng cấp cải tạo trụ sở cơ quan hành chính của các đô thị và trụ sở các xã, đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn huyện.

- Hệ thống thương mại dịch vụ

Xây dựng hạ tầng thương mại dịch vụ với chức năng là khu vực cửa ngõ phía nam và là vùng phụ cận của thành phố Trà Vinh.

Phát triển dịch vụ thương mại theo hướng đa dạng hóa các loại hình, trong đó tập trung phát triển các loại hình dịch vụ tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất công, nông nghiệp.

Mở rộng quan hệ với các thị trường lân cận, đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, gắn các hoạt động du lịch của huyện Châu Thành với toàn tỉnh. Chú trọng tiếp thị và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp của huyện Châu Thành, để đảm nhận vai trò hướng dẫn và liên kết các thành phần kinh tế, góp phần thực hiện đề án mỗi xã một sản phẩm.

Kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ trên địa bàn toàn huyện, ưu tiên các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào khu vực các đô thị hiện hữu mở rộng và khu vực đô thị phát triển mới.

+ Đến năm 2030:

Xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị như trung tâm thương mại, siêu thị... gắn với các trung tâm tiểu vùng tại thị trấn Châu Thành, Hưng Mỹ, Song Lộc và xã Mỹ Chánh là khu vực cửa ngõ đi các huyện phía nam của tỉnh, đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa, phục vụ yêu cầu phát triển du lịch, công nghiệp, TTCN. Quy mô khoảng 1-3 ha/công trình.

Xây dựng thêm chợ rạch giồng xã Long Hòa

Xây dựng 01 trung tâm thương mại hạng III, diện tích 1500 m<sup>2</sup>;

Nâng cấp, cải tạo chợ hạng II Châu Thành, các chợ hạng III là chợ Cầu Xây, chợ Sâm Bua, chợ Ba Se B, chợ Song Lộc, chợ Hòa Thuận, chợ Phước Hảo, chợ Vang Nhứt, chợ Bãi Vàng, chợ Hòa Lợi, chợ Mỹ Chánh, chợ Thanh Nguyên, chợ Long Hòa, chợ Long Hưng I, chợ Hòa Minh, chợ Bà Tràm, chợ Nguyệt Hóa.

Nâng cấp chợ Bãi Vàng thành chợ đầu mối nông, thủy sản.

+ Đến năm 2040:

Hoàn thiện hệ thống thương mại dịch vụ tại các xã và thị trấn, bao gồm chợ, trung tâm thương mại, siêu thị... Hình thành các khu phố thương mại tại các đô thị và các trung tâm tiểu vùng.

Tiếp tục củng cố nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thương mại dịch vụ tại các xã và thị trấn, bao gồm chợ, trung tâm thương mại, siêu thị...

Hình thành các khu phố thương mại tại các đô thị và các trung tâm tiểu vùng.

Xây dựng trung tâm thương mại tại Song Lộc, Hưng Mỹ. Nâng cấp chợ hạng III Rạch Vòn.

- Hệ thống y tế

Tuân theo quy hoạch phát triển y tế của tỉnh và huyện. Từng bước hiện đại hóa theo phân tuyến điều trị, đưa dịch vụ kỹ thuật cao tới gần nhân dân, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến Trung ương.

Coi trọng công tác y tế là một trong các giải pháp quan trọng phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đến năm 2030:

+ Nâng cấp cải tạo trung tâm y tế huyện. Tăng số giường bệnh của trung tâm y tế huyện lên từ 70 giường lên 100 giường bệnh.

+ Nâng cấp cải tạo phòng khám đa khoa khu vực, quy mô 10 giường bệnh, tại xã Hòa Minh.

+ Cải tạo nâng cấp trạm y tế tại các xã. Đầu tư trang thiết bị y tế, đảm bảo các cơ sở y tế đạt chuẩn 7 giường bệnh/trạm y tế. Tổng số giường bệnh của trạm y tế các xã trên địa bàn huyện năm 2030 là 100 giường bệnh.

+ Tập trung nâng cấp, xây dựng, đầu tư trang thiết bị cho hệ thống y tế dự phòng.  
Đến năm 2040:

+ Tăng tỷ lệ giường bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn huyện. Hoàn thiện hệ thống y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã trên địa bàn huyện Châu Thành. Tiếp tục nâng cấp trung tâm y tế huyện, tăng số giường bệnh của bệnh viện đa khoa lên 150-200 giường.

+ Cải tạo nâng cấp trạm y tế tại các xã đạt 07-10 giường bệnh/trạm. Tổng số giường bệnh của các trạm y tế xã trên địa bàn huyện là 120-150 giường bệnh.

+ Đầu tư và nâng cấp trang thiết bị hiện đại và đầy đủ cho các cơ sở y tế.

- *Hệ thống giáo dục:*

Đến năm 2030:

+ Mầm non: Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất tại các điểm trường chính cho các trường mầm non. Phân đầu xây dựng trường Mầm non tại các trung tâm tiểu vùng I, II, III như thị trấn Châu Thành, Hưng Mỹ, Song Lộc đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1. Đảm bảo 100% điểm trường chính đạt chuẩn quốc gia. Các trường hiện nay đã đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1, tiếp tục phân đầu theo chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+ Tiểu học: Hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất các trường học. Phân đầu xây dựng trường tiểu học tại các trung tâm tiểu vùng I, II, III như thị trấn Châu Thành, Hưng Mỹ, Song Lộc đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1. Đảm bảo 100% trường đạt chuẩn cấp độ 1. Các trường hiện nay đã đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1, tiếp tục phân đầu theo chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+ Trung học cơ sở: Cơ bản hoàn thành việc xây dựng cơ sở vật chất các trường học. Phân đầu xây dựng trường THCS tại các trung tâm tiểu vùng I, II, III như thị trấn Châu Thành, Hưng Mỹ, Song Lộc đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1. Các trường hiện nay đã đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1, tiếp tục phân đầu theo chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+ Trường liên cấp: Củng cố cơ sở vật chất của các trường liên cấp Tiểu học và THCS trên địa bàn đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 1.

+ Trung học phổ thông: Phân đầu 04 trường THPT trên địa bàn huyện Châu Thành đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1.

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên: Liên kết cùng với giáo dục phổ thông huy động số học sinh trong độ tuổi ra lớp và thực hiện công tác tư vấn nghề và hướng nghiệp cho học sinh THPT. Huy động trẻ khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập cộng đồng tại các cấp phổ thông. Hoàn thiện cơ sở vật chất trường, duy trì đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 1.

Đến năm 2040:

Tiếp tục xây dựng hệ thống giáo dục đào tạo phát triển cân đối, đồng bộ và đủ mạnh để đảm bảo quyền và nghĩa vụ học tập của người dân. Cải tạo nâng cấp hệ thống trường học từ mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

+Mầm non: Hoàn thiện cơ sở vật chất các trường chuẩn quốc gia cấp độ 1 ở giai đoạn 2030, nâng cấp lên chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+Tiểu học: Hoàn thiện cơ sở vật chất các trường chuẩn quốc gia cấp độ 1 ở giai đoạn 2030, nâng cấp lên chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+Trung học cơ sở: Hoàn thiện cơ sở vật chất các trường chuẩn quốc gia cấp độ 1 ở giai đoạn 2030, nâng cấp lên chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+Trường liên cấp: Hoàn thiện cơ sở vật chất các trường chuẩn quốc gia cấp độ 1 ở giai đoạn 2030, nâng cấp lên chuẩn quốc gia cấp độ 2.

+Trung học phổ thông: Cùng cố, hoàn thiện 04 trường THPT trên địa bàn huyện Châu Thành, phấn đấu đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 2. Xây dựng mới 01 Trường THPT tại khu vực xã Mỹ Chánh đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số và giảm bán kính phục vụ.

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên: Tập trung đầu tư, phát triển giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề trên địa bàn huyện. Đảm bảo cơ sở dạy nghề có đủ năng lực đào tạo một số nghề đạt chuẩn quốc gia, nhằm đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương; phát triển hoạt động dạy nghề thuộc doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, dịch vụ hợp tác xã, trang trại, vùng chuyên canh... đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề cho người lao động.

- *Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao*

Theo quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh. Hoàn thiện hệ thống thiết chế thể thao các cấp. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục, thể thao.

Đến năm 2030:

+Xây dựng hoàn thiện trung tâm văn hóa TDTT của huyện Châu Thành với đầy đủ các công trình chức năng: Công trình đa năng tập luyện TDTT, sân vận động, các sân thể thao cơ bản.... Đáp ứng tiêu chí công trình thể dục, thể thao cấp huyện. Đầu tư trang thiết bị dụng cụ đầy đủ phục vụ các hoạt động chuyên môn thường xuyên và hiệu quả.

+Hoàn thiện hệ thống văn hóa xã. Cải tạo nâng cấp, xây dựng mới các nhà văn hóa cộng đồng, đảm bảo 100% tổng số bản, tổ dân phố có nhà văn hóa cộng đồng. Đảm bảo 100% nhà văn hóa các xã và thị trấn, có hội trường quy mô 200 – 300 chỗ.

+Hỗ trợ sách cho thư viện các xã và tủ sách cho tất cả các nhà văn hóa khu dân cư trên địa bàn toàn huyện.

+Bố trí đầy đủ sân thể dục thể thao các xã và sân thể thao tại các khu dân cư. Xây dựng sân bóng đá kết hợp với các môn thể thao khác cho 100% các xã, thị trấn.

+Huy động các nguồn vốn để xây dựng phát triển các cơ sở văn hóa phục vụ cộng đồng như nhà văn hóa xã, thị trấn, bưu điện, thư viện, khu vui chơi giải trí.

Đến năm 2040:

+ Hoàn thiện hệ thống văn hóa từ huyện đến xã. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa tốt với mục đích giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống lịch sử, nâng cao các giá trị văn hóa tinh thần và chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

## **7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **7.1. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông**

#### **7.1.1. Quy hoạch hệ thống đường bộ:**

##### **a. Giao thông đối ngoại:**

###### **\* Đường do Trung ương quản lý:**

Trên địa bàn huyện có 03 đường quốc lộ chạy qua là Quốc lộ 53, 54, 60 với tổng chiều dài 33,4 km. Quy hoạch đường Quốc lộ tuân thủ theo quy hoạch cấp trên. Đường QL 53, Quốc lộ 54 và 60 đạt cấp III, kết cấu đường nhựa. Quy hoạch cụ thể như sau:

Cụ thể như sau:

Quốc lộ 53: Đoạn đi qua huyện Châu Thành dài 13,85km. Đoạn tuyến qua địa bàn huyện giữ chuẩn đường cấp III. Đường kết cấu nhựa. Bề rộng mặt đường 11,0m, nền đường 12,0m.

Quốc lộ 54: Đoạn đi qua huyện Châu Thành dài 10,8km. Là đường trục chính của huyện. Tuyến đường kết nối TP.Trà Vinh đi qua huyện Châu Thành tới các huyện phía nam của tỉnh. Đoạn tuyến qua địa bàn huyện tiếp tục giữ chuẩn đường cấp III. Đường kết cấu nhựa. Đoạn qua thị trấn Châu Thành có bề rộng 21,0m, mặt đường 11,0m, vỉa hè 2x5,0m. Đoạn ngoài thị trấn có bề rộng mặt đường 7,0m, nền đường 12,0m.

Quốc lộ 60: Đoạn đi qua huyện Châu Thành dài 8,7km. Tuyến đường kết nối huyện Châu Thành đi các tỉnh Bến Tre và Sóc Trăng. Đoạn tuyến qua địa bàn huyện tiếp tục giữ chuẩn đường cấp III, kết cấu nhựa. Đường có bề rộng mặt đường 7,0m, nền đường 12,0m.

Quốc lộ 60 mới: Đoạn đi qua huyện Châu Thành dài 6,5km. Quy hoạch đường cấp III, kết cấu nhựa. Đường có bề rộng mặt đường 7,0m, nền đường 12,0m.

**\* Đường tỉnh:** Trên địa bàn huyện có 03 tuyến đường tỉnh chạy qua với tổng chiều dài 34,6km. Gồm các đường tỉnh 911, 912, 915B. Quy hoạch hệ thống đường tỉnh thực hiện theo “Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến 2030” đã được phê duyệt. Cụ thể như sau:

- Đường tỉnh 911: Dài 13,9km. Là tuyến đường liên thông quan trọng nối huyện Châu Thành với huyện Càng Long, Cầu Kè. Quy hoạch bề mặt rộng 7,0m, nền đường 9,0m. Đường kết cấu nhựa. Đường cấp IV.

- Đường tỉnh 912: Dài 7,2km. Là tuyến đường kết nối huyện Châu Thành (vị trí QL54) với huyện Tiểu Cần. Quy hoạch bề mặt rộng 7,0m, nền đường 9,0m. Đường kết cấu nhựa. Đường cấp IV.

- Đường tỉnh 915B: Dài 13,5km. Là tuyến đường có chức năng đê bao cho huyện. Quy hoạch bề mặt rộng 9,0m, nền đường 12,0m. Đường kết cấu nhựa. Đường cấp III.

##### **b. Giao thông đối nội:**

###### **\* Đường Huyện:**

Trên cơ sở các tuyến đường huyện hiện hữu (HL 03, 09, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 30), điều chỉnh, bổ sung 05 tuyến mới(H1, H2, H3, H4, H5).

**\* Đường đô thị:** Tuân thủ theo quy hoạch chung các đô thị được phê duyệt.



Trong giai đoạn 2030: Ưu tiên đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thị trấn theo Điều chỉnh quy hoạch chung được phê duyệt.

Giai đoạn 2040: Xây dựng thị trấn Châu Thành theo tiêu chí đô thị loại IV. Đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông đảm bảo tiêu chí đô thị loại IV.

\* Hệ thống đường chính xã, đường liên ấp và trục chính nội đồng:

- Các tuyến đường trục xã

+ Đến năm 2030: Nâng cấp cải tạo 100% đường xã đạt tối thiểu loại A – GTNT, các tuyến đường trục xã đạt tiêu chuẩn cấp V.

+ Đến năm 2040: Cải tạo, giữ 100% đường xã đạt tối thiểu loại A – GTNT, các tuyến đường trục xã đạt tiêu chuẩn cấp V.

- Đường trục chính nội đồng: Đến năm 2030, đạt từ 50-70%, đến năm 2040, đạt từ 70% - 100% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện phục vụ các hoạt động sản xuất và thu hoạch sản phẩm nông nghiệp. Kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống giao thông đường bộ với hệ thống đường thủy lợi tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, đi lại, phục vụ sản xuất, khai thác nông nghiệp, cứu hộ, cứu nạn... của nhân dân trong vùng.

\* Bến xe:

Không quy hoạch và xây dựng bến xe khách huyện. Trong các khu vực chức năng trên địa bàn huyện, tổ chức các điểm đỗ xe phục vụ nhu cầu tại chỗ.

*Tổng hợp quy hoạch giao thông trên địa bàn huyện:*

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Giai đoạn 2021-2030				Giai đoạn 2031-2040			
			Cấp đường	Mặt cắt ngang			Cấp đường	Mặt cắt ngang		
				Mặt đường	Nền đường	Lộ giới		Mặt đường	Nền đường	Lộ giới
<b>A</b>	<b>GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI</b>	<b>81,0</b>								
<b>I</b>	<b>Quốc lộ</b>	<b>39,9</b>								
1.1	Quốc lộ 53	13,9	III	11,00	12,00	42,00	III	11,00	12,00	42,00
1.2	Quốc lộ 54	10,8	III	7,00	12,00	42,00	III	7,00	12,00	42,00
1.3	Quốc lộ 60	8,7	III	7,00	12,00	42,00	III	7,00	12,00	42,00
1.4	Quốc lộ 60 (mới)	6,5	III	7,00	12,00	42,00	III	7,00	12,00	42,00
<b>II</b>	<b>Tỉnh lộ</b>	<b>34,6</b>								
2.1	Tỉnh lộ 911	13,9	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
2.2	Tỉnh lộ 912	7,2	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
2.3	Tỉnh lộ 915B	13,5	III	9,00	12,00	29,00	III	9,00	12,00	29,00
<b>III</b>	<b>Tuyến tránh - vành đai TP Trà Vinh</b>	<b>6,5</b>								
3.1	Đường vành đai 3	2,5	III	9,00	12,00	29,00	III	9,00	12,00	29,00
3.2	Tuyến tránh TP Trà Vinh (1,6km trùng với hướng tuyến ĐH 11)	4,0	III	9,00	12,00	29,00	III	9,00	12,00	29,00
<b>B</b>	<b>GIAO THÔNG ĐỐI NỘI</b>	<b>298,5</b>								
<b>I</b>	<b>Đường huyện - liên tiểu vùng</b>	<b>69,7</b>								
1.1	Đường huyện ĐH 03	3,0	IV	9,00	11,00	29,00	IV	9,00	11,00	29,00
1.2	Đường huyện ĐH 09	6,5	V	5,50	6,50	27,50	IV	7,00	9,00	29,00
1.3	Đường huyện ĐH 10	5,1	V	5,50	6,50	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
1.4	Đường huyện ĐH 11	4,4	IV	9,00	12,00	29,00	IV	9,00	12,00	29,00

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Giai đoạn 2021-2030				Giai đoạn 2031-2040			
			Cấp đường	Mặt cắt ngang			Cấp đường	Mặt cắt ngang		
				Mặt đường	Nền đường	Lộ giới		Mặt đường	Nền đường	Lộ giới
1.5	Đường huyện ĐH 13	9,1	V	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
1.6	Đường huyện ĐH 14	2,7	V	5,50	6,50	27,50	IV	7,00	9,00	29,00
1.7	Đường huyện ĐH 15	6,4	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
1.8	Đường huyện ĐH 16	14,6	IV	7,00	9,00	42,00	IV	30,00	42,00	42,00
1.9	Đường huyện ĐH 30	18,0	V	5,50	6,50	16,50	IV	7,00	9,00	16,50
<b>II</b>	<b>Đường liên tiểu vùng</b>	<b>48,6</b>								
2.1	Đường H1	3,3	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
2.2	Đường H2	16,4	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
2.3	Đường H3	12,2	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
2.4	Đường H4	11,2	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
2.5	Đường H5	5,5	IV	7,00	9,00	29,00	IV	7,00	9,00	29,00
<b>III</b>	<b>Đường chính tiểu vùng</b>	<b>180,2</b>								
3.1	Đường A1	6,2	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.2	Đường A2	6,2	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.3	Đường A3	5,8	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.4	Đường A4	3,8	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.5	Đường A5	8,1	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.6	Đường A6	1,4	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.7	Đường A7	5,0	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.8	Đường A8	5,1	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.9	Đường A9	2,2	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.10	Đường A10	2,4	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.11	Đường A11	3,6	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.12	Đường A12	4,5	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.13	Đường A13	10,1	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.14	Đường A14	1,4	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.15	Đường A15	3,0	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.16	Đường A16	2,1	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.17	Đường A17	12,2	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.18	Đường A18	6,9	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.19	Đường A19	1,3	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.20	Đường A20	2,1	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.21	Đường A21	1,6	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.22	Đường A22	1,9	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.23	Đường A23	5,3	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.24	Đường A24	1,7	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.25	Đường A25	2,9	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.26	Đường A26	7,5	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.27	Đường A27	38,2	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.28	Đường A28	5,2	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.29	Đường A29	2,8	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.30	Đường A30	1,1	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.31	Đường A31	4,0	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.32	Đường A32	3,3	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.33	Đường A33	1,5	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.34	Đường A34	1,5	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50

TT	Tên đường	Chiều dài (km)	Giai đoạn 2021-2030				Giai đoạn 2031-2040			
			Cấp đường	Mặt cắt ngang			Cấp đường	Mặt cắt ngang		
				Mặt đường	Nền đường	Lộ giới		Mặt đường	Nền đường	Lộ giới
3.35	Đường A35	2,0	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.36	Đường A36	2,5	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.37	Đường A37	2,8	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50
3.38	Đường A38	1,0	V	5,50	7,50	27,50	V	5,50	7,50	27,50

### 7.1.2. Quy hoạch phát triển giao thông đường thủy:

Tuân thủ theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 8/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Sông, kênh do Trung ương quản lý:

Sông Cổ Chiên: Là phụ lưu của sông Mê Kông đi qua tỉnh Trà Vinh với chiều dài 23,8 km, đổ ra biển qua hai cửa Cổ Chiên và Cung Hầu. Cũng như sông Hậu, sông Cổ Chiên là con sông lớn, với chiều rộng thay đổi từ 0,5 - 2,0 km.

Cửa Cung Hầu nông, có nhiều roi cát di động, cản trở phương tiện thủy lớn ra vào. Hiện có một bãi bồi lớn tại cửa biển, chiều rộng lớn nhất của bãi bồi lên đến hơn 3 km. Cửa hiện chỉ cho phép tàu cỡ 2000 DWT ra vào có chờ triều.

Quy hoạch: Tuyến sông Cổ Chiên: từ cửa Cổ Chiên đến ngã ba sông Tiền. Đoạn từ cửa Cổ Chiên đến ngã ba kênh Trà Vinh, dài 46km, đạt chuẩn cấp I đường thủy nội địa; Đoạn từ ngã ba kênh Trà Vinh đến ngã ba sông Tiền, dài 63km, đạt chuẩn cấp đặc biệt. Đây là một trong những tuyến đường thủy chính của vùng ĐBSCL, kết nối các tỉnh Trà Vinh, Bến Tre, Vĩnh Long, Đồng Tháp.

Sông, kênh do tỉnh quản lý

- Sông Ô Chát: dài 8km, bắt đầu từ kênh Trà Éch đến giao kênh Ngang. Nằm trên tuyến kênh trục dọc của tỉnh.

- Kênh Ngang: dài 7,5km, điểm đầu giao sông Ô Chát, điểm cuối giao kênh 3/2, thuộc tuyến kênh trục dọc.

- Sông Ba Si: dài 6km, bắt đầu từ kênh Trà Éch đến sông Láng Thè. Tuyến sông Ba Si và sông Láng Thè tạo thành tuyến kênh nhánh 5 của tỉnh, đồng thời là ranh giới tự nhiên giữa huyện Càng Long, huyện Châu Thành và TP. Trà Vinh.

- Kênh Thống Nhất: dài 21,5km, điểm đầu giáp sông Cần Chông, điểm cuối giao Sông Vĩnh Kim, thuộc tuyến kênh nhánh 6.

- Kênh Trà Vinh: dài 17,98km, bắt đầu từ giao kênh Thống Nhất đến cầu Long Bình (TP. Trà Vinh), thuộc tuyến kênh nhánh 6.

Sông, kênh huyện quản lý:

Tổng chiều dài sông kênh rạch do huyện quản lý là 63,5km với 15 tuyến. Đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của người dân địa phương, phục vụ các phương tiện thủy có tải trọng nhỏ.

Bảng tổng hợp quy hoạch hệ thống giao thông thủy

ST T	Tên sông, kênh	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy hoạch			
				C.dài (km)	C.rộng đáy (m)	C.sâu (m)	Cấp KT
<b>I</b>	<b>Trung ương quản lý</b>			<b>34,0</b>			
1	Sông Cỏ Chiên			34,0	500- 2000		ĐB
<b>II</b>	<b>Tỉnh quản lý</b>			<b>65,5</b>			
2	Sông Ô Chát	Kênh Trà Eách	Kênh Ngang	8,0	50,0	2,8	III
3	Kênh Ngang	Sông Ô Chát	Kênh 3/2	7,5	35,0	3,0	III
4	Sông Ba Si	Kênh Trà Eách	Sông Láng Thé	6,0	50,0	2,8	III
5	Kênh Thống Nhất	Sông Cản Chông	Kênh Trà Vinh	21,5	35,0	3,0	III
6	Kênh Trà Vinh	Kênh Thống Nhất	Cầu Long Bình	22,5	35,0	3,0	III
<b>III</b>	<b>Huyện quản lý</b>			<b>63,5</b>			
7	Sông Đai Tèn	Ngã 3 sông Ô Chát	Xã Lương Hoà - H. Châu Thành	3,3	14,0	1,3	VI
8	Rạch Bà Trâm	Sông Cỏ Chiên	Xã Hòa Minh - Huyện Châu Thành	2,1	10,0	1,3	VI
9	Kênh Ô Xây	Ngã 3 kênh Tâm Phương	Tp. Trà Vinh	3,7	10,0	1,3	VI
10	Kênh Bắc Phèn	Kênh Thống Nhất	Sông Đai Tèn	4,8	10,0	1,3	VI
11	Kênh Đường Trâu	Sông Trà Vinh	Kênh Xáng 1	3,2	10,0	1,3	VI
12	Kênh Xáng 1	Kênh Thống Nhất	Xã Phước Hảo - H. Châu Thành	10,3	10,0	1,3	VI
13	Kênh Xáng 2	Kênh Thống Nhất	Xã Lương Hoà - H. Châu Thành	7,2	10,0	1,3	VI
14	Kênh Tâm Phương	Sông Đai Tèn	Sông Trà Vinh	7,3	10,0	1,3	VI
15	Rạch Bàng Đa	Kênh Xáng 1	Rạch Vang Nhất	3,2	10,0	1,3	VI
16	Rạch Giữa	Sông Cỏ Chiên	Xã Hưng Mỹ - Huyện Châu Thành	1,5	Chuyên thủy lợi		
17	Rạch Ngãi Hiệp	Ngã 3 rạch Vòm	Xã Hưng Mỹ - Huyện Châu Thành	2,2	10,0	1,3	VI
18	Rạch Tâm Lòn	Ngã 3 rạch Vòm	Rạch Vang Nhất	2,4	10,0	1,3	VI
19	Rạch Vang Nhất	Rạch Bàng Đa	Sông Bãi Vàng	4,5	10,0	1,3	VI

ST T	Tên sông, kênh	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy hoạch			
				C.dài (km)	C.rộng đáy (m)	C.sâu (m)	Cấp KT
20	Rạch Vồn	Sông Cổ Chiên	Xã Hưng Mỹ - Huyện Châu Thành	3,9	10,0	1,3	VI
21	Sông Bãi Vàng	Sông Cổ Chiên	Rạch Trà Cuôn	3,8	14,0	1,3	VI

Bến đò, bến phà:

Quy hoạch phát triển các bến đò, bến phà như sau:

Số TT	Tên bến	Vị trí		Quy mô		Giai đoạn thực hiện
		Bờ phải	Bờ trái	Hiện trạng	Quy hoạch	
	<b>Bến hiện trạng</b>					
1.1	Bà Liêm - Bến Tre	Km34+900, sông cổ Chiên, ấp Bà Liêm, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	Tỉnh Bến Tre	Loại III	Loại I	2021-2025
1.2	Rạch Ngựa - Bến Tre	Km39+655, sông cổ Chiên, ấp Rạch Ngựa, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Tỉnh Bến Tre	Loại I	Loại I	2021-2025
1.3	Bãi Vàng - xếp Phụng	Km32+370, sông cổ Chiên (nhánh Cung Hầu), ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành	Ấp Đại Thôn B, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	Loại II	Loại I	2021-2025
1.4	Long Hưng II - Bến Tre	Km40+300, sông cổ Chiên, ấp Long Hưng II, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	Tỉnh Bến Tre	Loại II	Loại I	2021-2025
1.5	Bà Trâm - Long Hưng II	Km39+950, sông cổ Chiên (nhánh Cung Hầu), ấp Bà Trâm, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành	Ấp Long Hưng II, xã Hòa Minh, Châu Thành	Loại III	Loại I	2021-2025
1.6	Vàm Lâu - Vàm Cà Nửa	Km25+500, sông Cổ Chiên (nhánh Cung Hầu), ấp Bến Cát, xã Mỹ Long Bắc, huyện cầu Ngân	Ấp Bùng Bình, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Loại III	Loại I	2021-2025
1.7	Rạch Góc - Bến Tre	Km37+435, sông cổ Chiên, ấp Rạch Góc, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Tỉnh Bến Tre	Loại I	Loại I	2021-2025
1.8	Ngãi Lợi - Cồn Nạn	Km39+190, sông cổ Chiên (nhánh Cung Hầu), ấp Ngãi Lợi, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành	Ấp Long Hưng II, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	Loại III	Loại I	2021-2025

Số TT	Tên bến	Vị trí		Quy mô		Giai đoạn thực hiện
		Bờ phải	Bờ trái	Hiện trạng	Quy hoạch	
1.9	Rạch Kinh - Côn Cò	Km42+500, sông Cỏ Chiên (nhánh Cung Hầu), ấp Rạch Kinh, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành	Ấp Côn cò, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành	Chưa đủ đk phân loại đường lên xuống (<2,5m)	Loại III	2021-2025
1.10	Xếp Phụng - Côn Phụng	Km 39+430, sông Cỏ Chiên (nhánh Cung Hầu), ấp Côn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Ấp Đại Thôn B, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	Chưa đủ đk phân loại đường lên xuống (<2,5m)	Loại III	2021-2025
1.11	Hai Thù - thị trấn Mỹ Long	Km 23+200, khóm 4, TT Mỹ Long, huyện cầu Ngang	ấp Hai Thù, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Loại III	Loại III	2021-2025
1.12	Thù Sau - Bến Tre	Km43+265, sông cỏ Chiên, ấp Hai Thù, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Tỉnh Bến Tre	Loại III	Loại III	2021-2025
1.13	Côn Phụng - Thôn Vạn	Km29+390, sông cỏ Chiên (nhánh Cung Hầu), Côn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Km29+340, sông cỏ Chiên (nhánh Cung Hầu), ấp Thôn Vạn, xã Long Hòa, huyện Châu Thành	Chưa đủ đk phân loại đường lên xuống (<2,5m)	Loại III	2021-2025
1.14	Bến Bạ - Bến Tre	Km33+715, sông cỏ Chiên, ấp Giồng Giá, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành	Tỉnh Bến Tre	Loại III	Loại III	2021-2025
1.15	Ấp Rẫy A - Bãi Vàng	Km00+253, sông Bãi Vàng, ấp Rẫy, xã Vĩnh Kim, huyện cầu Ngang	Ấp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành	Chưa đủ đk phân loại đường lên xuống (<2,5m)	Loại III	2021-2025
<b>Bến quy hoạch</b>						
2.1	Bà Trâm - Côn Cò	Nhánh sông Cung Hầu, ấp Bà Trâm, xã Hưng Mỹ	Nhánh sông Cung Hầu, ấp Côn Cò, xã Hưng Mỹ		Loại I	2025-2030
2.2	Thông Lưu – Côn Chim (Bến phục vụ điểm du lịch cộng đồng Côn Chim)	Sông Côn Chim, Ấp Thông Lưu, xã Hòa Minh	Sông Côn Chim, ấp Côn Chim, xã Hòa Minh		Loại III	2021-2025
2.3	Bến Rạch Giồng	ấp Rạch Giồng, Long Hòa, Châu Thành	Tỉnh Bến Tre		Loại I	2025-2030

## 7.2. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật

### 7.2.1. Định hướng cao độ nền

- Thị trấn Châu Thành: lựa chọn cao độ xây dựng không chế  $H_{XD} \geq 2,3m$
- Khu vực xã Hưng Mỹ: lựa chọn cao độ xây dựng không chế  $H_{XD} \geq 2,3m$
- Khu vực xã Song Lộc: lựa chọn cao độ xây dựng không chế  $H_{XD} \geq 2,3m$

### 7.2.2. Giải pháp san nền

Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kê gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hở đón nước mưa.

Với một số khu vực có tầm quan trọng đặc biệt cần có giải pháp tiêu độc lập, không phụ thuộc chế độ tiêu thủy nông.

- Đô thị, khu vực cải tạo: Xác định cao độ khống chế với tần suất chống lũ phù hợp với cao độ nền xây dựng hiện trạng. Cần có giải pháp công trình trong trường hợp không có điều kiện cải tạo nền khu vực. Chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất  $P > 5\%$ .

- Cụm công nghiệp tập trung chọn cao độ nền xây dựng đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất  $P > 1\%$ .

- Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ khống chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông, rạch chảy qua khu vực dân cư.

### 7.2.3. Định hướng thoát nước mưa

a. Lưu vực thoát nước mưa: 04 lưu vực thoát nước:

- Lưu vực 1: Phía đông đường TL915B, có diện tích khoảng 11.200 ha. Thoát nước ra trực tiêu chính Sông Cỏ Chiên

- Lưu vực 2: Phía đông đường QL 54 và phía tây đường TL 915B. Có diện tích khoảng 9.400 ha. Nước mặt chảy theo bề mặt địa hình rồi đổ vào trực tiêu thoát nước chính là Kênh Trà Vinh và Kênh Thống Nhất.

- Lưu vực 3: Phía tây QL 54 và phía đông QL 60. Có diện tích khoảng 10.800 ha. Nước mặt chảy theo bề mặt địa hình tập trung vào trực tiêu chính sông Ông Chát và Kênh Ngang.

- Lưu vực 4: Phía tây QL 60. Có diện tích khoảng 13.600 ha. Nước mặt chảy theo bề mặt địa hình tập trung vào trực tiêu chính sông Ba Si và sông Ông Chát.

b. Giải pháp thoát nước mưa: Tiến tới toàn bộ các đô thị và điểm dân cư tập trung đều xây dựng hệ thống thoát nước mưa.

- Đô thị Châu Thành (theo tiêu chí đô thị loại IV): sử dụng hệ thống thoát riêng.

- Các khu vực phát triển theo tiêu chí đô thị loại V: có thể sử dụng 3 dạng hệ thống: thoát riêng, thoát chung và thoát nửa riêng tùy theo điều kiện từng khu vực.

- Các điểm dân cư nông thôn có thể sử dụng hệ thống thoát nước chung để phù hợp với điều kiện kinh tế.

c. Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác

- Có các giải pháp kỹ thuật, hành lang an toàn đối với các khu vực đặc thù: trôi tạt đất, lầy thụt, ngập lụt.

- Tổ chức nạo vét trực tiêu chính, nâng cấp cải tạo hệ thống thủy nông khu vực. Tổ chức trồng cây tạo hành lang bảo vệ cho khu vực có nền đất xung yếu.

- Công tác phòng chống lũ: Với đặc điểm điều kiện tự nhiên và tình hình thời tiết, khí hậu nêu ở phần hiện trạng là những yếu tố thuận lợi cơ bản cho sản xuất và đời sống của nhân dân trong huyện. Song việc chủ động phòng chống thiên tai hàng năm vẫn rất cần thiết để phòng tránh được thời tiết bất thường có thể xảy ra.

- Khai thông dòng chảy: Để đảm bảo khả năng thoát lũ của hệ thống sông cần phải nạo vét các lòng kênh, rạch, nạo vét các trực tiêu chính đảm bảo thoát nước cho

khu vực. Kè khu vực xung yếu bên bờ các sông chảy qua địa bàn huyện Châu Thành phòng chống sạt lở.

### 7.3. Định hướng phát triển hệ thống cấp điện

Nguồn điện: Toàn huyện tiếp tục sử dụng lưới điện quốc gia thông qua hệ thống lưới truyền tải 110kV. Nguồn là Trạm 110(35)22KV Trà Vinh – nâng công suất trạm lên 2x63 MVA; Trạm 220KV Trà Vinh 2 nâng công suất 2x250MVA

#### **Mạng lưới:**

##### *Lưới điện cao áp:*

\* Lưới điện cao áp 500kV:

Cải tạo an toàn lưới điện đường dây 500 kv Duyên Hải - Mỏ Cày hiện có đoạn đi qua huyện Châu Thành

\*Lưới điện cao áp 220kV, 110kV:

Xây dựng mạch 2 Đường dây 220kV Duyên Hải – Trà Vinh 2 – Mỏ Cày , dây dẫn ACSR 2x400 mm<sup>2</sup>, chiều dài 20km qua huyện Châu Thành.

Cải tạo an toàn lưới điện các tuyến đường dây cao thế sau:

Đường dây 220kV Duyên Hải – Trà Vinh 2 – Mỏ Cày mạch kép, dây dẫn ACSR 2x400 mm<sup>2</sup>.

Đường dây 220kV Trà Vinh 2 – Vĩnh Long 2 mạch kép (cấp điện cho trạm 220kV Vĩnh Long 2), dây dẫn ACSR 2x330, chiều dài đoạn qua huyện Châu Thành 3,5km.

Đường dây 110kV từ trạm 220kV Trà Vinh 2 – trạm 110kV Cầu Kè đoạn qua khu vực nghiên cứu có chiều dài 10,83 km, tiết diện dây dẫn ACSR 240 mm<sup>2</sup>

Đường dây mạch kép từ trạm 220KV Trà Vinh 2– trạm 110kV Trà Vinh, đoạn dài 6,3km, tiết diện dây dẫn ACSR 240 mm<sup>2</sup>

Đường dây 110kv Chuyển tiếp trên đường dây 110 kV Duyên Hải - trạm 110KV Trà Vinh chuyển tiếp đầu nối trạm 110kV Long Đức dây dẫn ACSR240 mm<sup>2</sup>

Đường dây 110kV Trà Vinh 2 - Trà Vinh có chiều dài 8,908 km, tiết diện dây dẫn ACSR 240 mm<sup>2</sup>

Đường dây 110kV Trà Vinh 2 - Cầu Ngang có chiều dài tổng 15,907 km, trong đó tiết diện dây dẫn ACSR240mm<sup>2</sup> là 7,425 km và tiết diện dây dẫn ACSR185mm<sup>2</sup> là 8,482 km.

Đường dây 110kV Trà Vinh - Long Đức có chiều dài 8,443 km, tiết diện dây dẫn ACSR240mm<sup>2</sup>.

Đường dây 110kV Long Đức - ĐMT VINECO Vĩnh Long có chiều dài 5,377 km, tiết diện dây dẫn ACSR240mm<sup>2</sup>.

##### *Lưới điện trung thế:*

- Cải tạo nâng cấp các xuất tuyến 22kv hiện tại từ trạm 110/22kv Trà Vinh bao gồm:

Lộ 471-TV cấp điện 1 phần cho thị trấn Châu Thành liên kết mạch vòng lộ 479-Long Đức.

Lộ 472- TV cấp điện 1 phần cho thị trấn Châu Thành, các xã Hòa Lợi, Phước Hào, Hưng Mỹ, Long Hòa và Hòa Minh liên kết mạch vòng với tuyến 473CN, 475CN, 471LD.



Lộ 473- TV cấp điện một phần nhóm 4 thị trấn Châu Thành liên kết mạch vòng với tuyến 477TV, 471LD.

Lộ 474 - TV cấp điện một phần thị trấn Châu Thành, các xã Đa Lộc và Mỹ Chánh liên kết mạch vòng với tuyến 478DT, 476TV, 471CN, 473CN, 475CK, 471TC .

Lộ 475 - TV cấp điện cho xã Đa Lộc, xã Thanh Mỹ, xã Mỹ Chánh, xã Song Lộc, xã Lương Hòa liên kết mạch vòng với lộ 471 Tiểu Cần.

Lộ 476 - TV cấp điện một phần nhóm 05 thị trấn Châu Thành, các xã Thanh Mỹ và Mỹ Chánh, liên kết mạch vòng với tuyến 475CK, 474TV.

Lộ 477 - TV cấp điện một phần nhóm 4 thị trấn Châu Thành, liên kết mạch vòng với tuyến 477LD, 476TV, 479TV.

Lộ 478 - TV cấp điện một phần xã Nguyệt Hóa, ấp Ô Chích xã Lương Hòa liên kết mạch vòng với tuyến 471VLI, 475LD, 477LD, 473CK, 480TV.

Lộ 479- TV cấp điện một phần xã Lương Hòa và xã Lương Hòa A liên kết mạch vòng với tuyến 475LD, 477LD, 477TV.

Lộ 480- TV cấp điện cho ấp Hòa Lạc xã Đa Lộc, xã Lương Hòa trừ ấp Ô Chích, xã Song Lộc liên kết mạch vòng với tuyến 475CK, 478TV.

- Từ trạm 110KV Trà Vinh xây dựng thêm các lộ tuyến 22kV sau:

Xây dựng lộ 481-TV cấp điện qua 2 xã đảo Long Hòa - xã Hòa Minh đấu nối mạch vòng bổ sung nguồn cấp cho lộ 472-CT hiện tại

Xây dựng lộ 482-TV cấp riêng cho cụm công nghiệp ấp Bà Tràm, đấu nối mạch vòng với lộ 472-TV đảm bảo cấp điện phục vụ nuôi trồng thủy sản thâm canh và bổ sung nguồn điện dự phòng cho xã đảo Long Hòa và xã Hòa Minh.

Xây dựng lộ 483-TV cấp điện cho cụm công nghiệp Mỹ Chánh , các khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã Mỹ Chánh

Xây dựng lộ 484-TV cấp điện cho cụm công nghiệp phía Tây tại xã Song Lộc, lộ liên kết mạch vòng với lộ 474-TV bổ sung cấp điện cho các xã Đa Lộc, xã Thanh Mỹ, xã Mỹ Chánh, xã Song Lộc, xã Lương Hòa

Xây dựng tuyến cáp ngầm 22kV vượt sông Cổ Chiên đấu nối từ trạm 110kV Long Đức đến cù lao Long Trị tăng cường khả năng cấp điện và đảm bảo tiêu chí N-1 cho các xã cù lao Long Hòa, Hòa Minh và ấp Long Trị, xã Long Đức phục vụ nuôi trồng thủy sản và dịch vụ du lịch nâng cao độ tin cậy cấp điện. Đấu mạch vòng với lộ 482-TV xây dựng mới

*Lưới điện hạ áp và chiếu sáng*

Lưới hạ áp được thiết kế hình tia trừ các phụ tải khu vực thị trấn có yêu cầu đặc biệt thì phải thiết kế mạch vòng có liên kết dự phòng.

Khu vực thị trấn huyện, khu đô thị mới, các phụ tải quan trọng sử dụng đường dây trên không hoặc cáp vặn xoắn (ABC) có tiết diện đường trục  $\geq 120\text{mm}^2$ , tiết diện đường nhánh  $\geq 95\text{mm}^2$ , bán kính cấp điện  $\leq 500\text{m}$ .

Khu vực ngoại thành, ngoại thị, nông thôn sử dụng đường dây trên không hoặc cáp vặn xoắn (ABC) có tiết diện đường trục  $\geq 70\text{mm}^2$ , tiết diện đường nhánh  $\geq 50\text{mm}^2$ , bán kính cấp điện  $\leq 800\text{m}$ .

7.4. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc

*Viễn Thông và công nghệ thông tin:*

- Hệ thống chuyên mạch : (Hệ thống tổng đài điều khiển và tổng đài vệ tinh)

Giai đoạn đến 2030: Nâng dung lượng Host viễn thông huyện tại thị trấn Châu Thành lên 130000 line; Xây dựng mạng cáp quang từ tổng đài viễn thông đến trung tâm xã, với những xã có địa hình khó khăn, xã đảo Hòa Minh, Xã Long Hòa có thể kéo cáp quang đến trung tâm của cụm xã (bao gồm các xã lân cận).

Giai đoạn đến 2040: Nâng dung lượng Host viễn thông huyện tại thị trấn Châu Thành lên 200000 line; Tiếp tục phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ; Xây dựng tuyến cáp quang đến 100% các hộ dân thuê bao; đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng các dịch vụ của người dân; Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn: tuyến truyền dẫn nội tỉnh 40Gbps, tuyến vòng Ring chính 120Gbps.

- Hệ thống truyền dẫn: Mạng truyền dẫn hiện tại đã phát triển đến cấp xã, thôn chủ yếu sử dụng các điểm rẽ trên RING nội tỉnh và các tuyến quang nhánh. Các tuyến cáp quang đến xã sử dụng các công nghệ SDH và PDH với tốc độ truyền dẫn từ 60Mbps đến 200Mbps. Hiện trên địa bàn tỉnh mạng cáp quang đã được xây dựng đến hầu hết các xã, đảm bảo nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng rộng của người dân.

- Hệ thống mạng ngoại vi: Cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi về cơ bản bao gồm hệ thống công bố cáp; Hệ thống cột treo cáp; Hệ thống cáp đồng, cáp quang; Hệ thống tủ, hộp cáp. Xu hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng mạng ngoại vi là xu hướng tất yếu để đảm bảo tiết kiệm nguồn vốn đầu tư và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Mạng di động: Thông tin di động phát triển theo hướng mở rộng vùng phủ sóng, khắc phục các điểm lốm sóng bằng cách tăng thêm các vị trí phát sóng, tăng máy thu phát tại các trạm đã lắp đặt để nâng cao chất lượng phục vụ mạng.

- Công nghệ thông tin (CNTT): Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks - NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 4G/5G và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

#### *Hệ thống bưu chính*

Mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay. Gồm 01 bưu điện đặt tại huyện Châu Thành. Các bưu cục cấp và mạng lưới các điểm bưu điện văn hóa xã. Các bưu cục từng bước được nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác và cung cấp dịch vụ; Xây dựng mạng vận chuyển bưu chính theo xu hướng dùng chung giữa các doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí vận chuyển, đảm bảo về mặt thời gian, nâng cao chất lượng dịch vụ.

#### 7.5. Định hướng phát triển hệ thống cấp nước

Cấp nước đô thị: Đảm bảo 100% đô thị được cấp nước tập trung. Nâng cấp, cải tạo và đầu tư xây dựng mới các nhà máy cấp nước.

Cấp nước công nghiệp: Các điểm, cụm công nghiệp tập trung nằm trong đô thị được cấp nước chung với mạng lưới cấp nước đô thị. Những cơ sở sản xuất nhỏ rải rác trong vùng (không thuộc đô thị) sẽ tùy thuộc vào tiềm năng nguồn nước của từng khu vực để có lựa chọn nguồn nước cấp riêng biệt cho từng khu, cụm, điểm sản xuất công nghiệp thích hợp và an toàn.

Cấp nước nông thôn: Tại những điểm dân cư nông thôn, xây dựng những trạm bơm nước ngầm tập trung, công suất nhỏ khoảng 1.000-2.000 m<sup>3</sup>/ngày và có qua xử lý sơ bộ. Ở những khu vực nông thôn, đặc biệt là những vùng sâu, vùng xa, vẫn khuyến

khích người dân sử dụng giếng bơm tay và các bể chứa, lu nước để dự trữ nước mưa phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt. Chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức tuyên truyền, khuyến cáo người dân không sử dụng nước mặt không qua xử lý vì chất lượng nước thấp, làm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe người dân.

- Chọn nguồn nước và các giải pháp kỹ thuật cấp nước

Nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện Châu Thành sẽ tiếp tục được khai thác cung cấp nước chính cho các nhu cầu sinh hoạt ở đô thị, các điểm dân cư nông thôn cũng như các nhu cầu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

*Giai đoạn đến năm 2030:*

- Nguồn nước và các giải pháp cấp nước cho đô thị.

Thị trấn Châu Thành: Tiếp tục sử dụng nước từ trạm cấp nước thị trấn Châu Thành hiện có công suất thiết kế 1.200 m<sup>3</sup>/ng.đ, vị trí tại Khóm 3 thị trấn Châu Thành, được chiết ra từ hệ thống ống dẫn nước thô D450 Mỹ Chánh về trạm xử lý nước cấp cho Công ty cấp thoát nước Trà Vinh, tại Khóm 6 thành phố Trà Vinh và trạm cấp nước số 6, công suất 1.200 m<sup>3</sup>/ngày đêm tại Ấp Giồng Lức xã Mỹ Chánh khai thác nguồn nước ngầm của nhà máy nước Trà Vinh phục vụ cho dân số toàn thị trấn.

Mở rộng và nâng công suất nhà máy cấp nước liên xã Đa Lộc - Thanh Mỹ - Mỹ Chánh lên công suất 3.600 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước nước mặt sông Giồng Lức.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà máy nước Nguyệt Hóa công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước nước mặt sông Ba Si.

- Nguồn nước và các giải pháp cấp nước ở các khu vực nông thôn.

Đối với các điểm dân cư nông thôn, ưu tiên xây dựng các hệ thống cấp nước tập trung quy mô nhỏ liên thôn, bản nếu địa hình cho phép. Nước sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt theo TCVN - 1995 và các Tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế: Các chỉ tiêu hoá lý theo quy định của Tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống được ban hành tại Quyết định số 1329/2002/QĐ- BYT ngày 18/4/2002. Các chỉ tiêu hoá lý và vi sinh của Tiêu chuẩn vệ sinh nước sạch được ban hành tại Quyết định số 09/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005.

Nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện Châu Thành sẽ tiếp tục được khai thác để xử lý cung cấp cho các nhu cầu sinh hoạt ở các điểm dân cư nông thôn.

Xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung đối với các xã, ấp còn thiếu. Nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đang hoạt động tốt ở các xã, ấp. Sửa chữa, thay thế các hạng mục công trình bị hư hỏng do thiên tai hoặc người sử dụng gây nên.

*Định hướng quy hoạch các công trình cấp nước nông thôn*

TT	Tên công trình	Hạng mục công trình xây dựng mới/ nâng cấp/ sửa chữa	Phạm vi phục vụ
I	Xã Đa Lộc		
1	Trạm 6 tại ấp Giồng Lức	Duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Ấp Giồng Lức và 1 phần ấp Hương Phụ C.

TT	Tên công trình	Hạng mục công trình xây dựng mới/ nâng cấp/ sửa chữa	Phạm vi phục vụ
2	Toàn xã tiếp tục sử dụng nước Trạm cấp nước giếng số 6, công suất 1.200 m <sup>3</sup> / ngày đêm tại Ấp Giồng Lức xã Mỹ Chánh sử dụng nguồn nước ngầm của Nhà máy nước Trà Vinh và từ nhà máy nước liên xã Đa Lộc - Thanh Mỹ - Mỹ Chánh, vị trí tại ấp Phú Mỹ xã Mỹ Chánh.		
II	<i>Xã Thanh Mỹ</i>		
1	Toàn xã tiếp tục sử dụng nước Trạm cấp nước giếng số 6, công suất 1.200 m <sup>3</sup> / ngày đêm tại Ấp Giồng Lức xã Mỹ Chánh sử dụng nguồn nước ngầm của Nhà máy nước Trà Vinh và từ nhà máy nước liên xã Đa Lộc - Thanh Mỹ - Mỹ Chánh, vị trí tại ấp Phú Mỹ xã Mỹ Chánh.		
III	<i>Xã Lương Hòa A</i>		
1	Trạm công nước Ô Bắp	Nâng công suất, duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Toàn bộ các ấp trong xã
IV	<i>Xã Song Lộc</i>		
1	Trạm cấp nước ấp Phú Lân	Duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Ấp Phú Lân, Ấp Nê Có
2	Trạm cấp nước ấp Phú Khánh	Duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Các ấp Phú Khánh, Khánh Lộc, Lò Ngò, Trà Nóc, Trà Uông, Láng Khoét
V	<i>Xã Mỹ Chánh</i>		
1	Trạm cấp nước ấp Phú Mỹ	Duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Ấp Phú Mỹ
2	Nhà máy nước liên xã Đa Lộc – Thanh Mỹ - Mỹ Chánh	Nâng công suất, duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Cấp nước cho các ấp trong xã, xã Đa Lộc và xã Thanh Mỹ
VI	<i>Xã Lương Hòa</i>		
1	Toàn xã sử dụng nước từ nhà máy nước thành phố Trà Vinh công suất 32.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm và từ nhà máy nước xây dựng mới tại xã Nguyệt Hóa công suất 10.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.		
VII	<i>Xã Nguyệt Hóa</i>		
1	Trạm cấp nước ấp Sóc Thát	Duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Ấp Sóc Thát
2	Nhà máy nước xã Nguyệt Hóa (ấp Trà Đét)	Xây dựng mới công suất 10.000m <sup>3</sup> /ngày.đêm	Các ấp còn lại của xã, bổ sung cho thành phố Trà Vinh, xã Lương Hòa và xã Song Lộc
VIII	<i>Xã Hòa Thuận</i>		
1	Toàn xã sử dụng nước từ nhà máy nước thành phố Trà Vinh với công suất 32.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.		
IX	<i>Xã Hòa Lợi</i>		
1	Trạm cấp nước trung xã	Nâng công suất trạm, duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Toàn bộ các ấp trong xã
2	Một phần xã tiếp tục sử dụng nước từ nhà máy nước thành phố Trà Vinh với công suất 32.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.		

TT	Tên công trình	Hạng mục công trình xây dựng mới/ nâng cấp/ sửa chữa	Phạm vi phục vụ
X	Xã Phước Hào		
1	Trạm cấp nước áp Đại Thôn	Nâng công suất trạm, duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Toàn bộ các ấp trong xã
XI	Xã Hưng Mỹ		
1	Trạm cấp nước áp Rạch Vồn	Nâng công suất trạm, duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Toàn bộ các ấp trong xã
2	Trạm cấp nước áp Cồn Cò	Đang xây dựng	Ấp Cồn Cò
XII	Xã Hòa Minh		
1	Trạm cấp nước áp Đại Thôn A	Nâng công suất trạm, duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Toàn bộ các ấp trong xã
2	Trạm cấp nước áp Cồn Chim	Xây dựng mới	Ấp Cồn Chim
XIII	Xã Long Hòa		
1	Trạm cấp nước áp Rạch Gốc	Nâng công suất trạm, duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Toàn bộ các ấp trong xã
2	Trạm cấp nước áp Hai Thủ	Duy tu, bảo dưỡng tiếp tục hoạt động	Ấp Hai Thủ
3	Trạm cấp nước áp Cồn Phụng	Xây dựng mới	Ấp Cồn Phụng

*Giai đoạn đến năm 2040:*

- Nguồn nước và các giải pháp cấp nước cho các đô thị

Thị trấn Châu Thành: sử dụng nước sạch từ trạm cấp nước Châu Thành hiện nay công suất 1200 m<sup>3</sup>/ngđ sẽ được nâng công suất lên 2.600 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước ngầm kết hợp với nước mặt.

Mở rộng và nâng công suất nhà máy cấp nước liên xã Đa Lộc - Thanh Mỹ - Mỹ Chánh lên công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước nước mặt sông Giồng Lức.

Giữ nguyên công suất hiện có của nhà máy nước Nguyệt Hóa công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngđ, khai thác nguồn nước nước mặt sông Ba Si.

- Nguồn nước và các giải pháp cấp nước ở các khu vực nông thôn

Đối với các điểm dân cư nông thôn, duy trì hoạt động của các hệ thống cấp nước tập trung quy mô nhỏ liên ấp. Nguồn nước ngầm và kết hợp nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Châu Thành tiếp tục được khai thác để xử lý cung cấp cho các nhu cầu sinh hoạt ở các điểm dân cư nông thôn.

Tiếp tục hoàn thiện các công trình cấp nước tập trung đối với các ấp còn thiếu. Duy tu, bảo dưỡng công trình cấp nước đang hoạt động tốt. Sửa chữa, thay thế các hạng mục công trình bị hư hỏng.

Bổ sung, xây dựng mới các công trình cấp nước cho các điểm dân cư mới.

- Nguồn nước và các giải pháp cấp nước cho các khu công nghiệp.

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung sẽ được cấp nước từ hệ thống cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước khai thác nguồn nước tại chỗ.

*Cụm công nghiệp Tây Châu Thành, cụm công nghiệp Tân Ngại, cụm công nghiệp Bà Trâm, cụm công nghiệp Mỹ Chánh, khu sản xuất Bảo Tiên:* Sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tại chỗ. Nhu cầu sử dụng 2030 khoảng 1.900 m<sup>3</sup>/ngày, đến 2040 khoảng 8.700 m<sup>3</sup>/ngày.

7. 6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a. Thoát nước thải.

+ Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp, nửa riêng; nước mưa và nước thải sinh hoạt chảy chung trong cùng một hệ thống, sử dụng mạng cống bao và các giếng tách nước bẩn.

Giai đoạn đến năm 2030:

Thị trấn Châu Thành sẽ xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt, tổng công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ (2030).

- Giai đoạn đến năm 2040:

Thị trấn Châu Thành: Mở rộng, nâng cấp 01 trạm xử lý nước thải sinh hoạt, tổng công suất 1.800 m<sup>3</sup>/ngđ (2040);

+ Khu vực nông thôn:

- Trung tâm các xã, cụm dân cư tập trung xây dựng hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải. Tận dụng các ao, hồ sẵn có trong khu vực buôn, xóm để làm sạch tự nhiên, hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện sống, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nước thải sản xuất, chăn nuôi: Các khu vực xây dựng chuồng trại, chăn nuôi gia súc, gia cầm, yêu cầu xây dựng cách xa nhà ở, xa giếng nước để đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh.

+ Nước thải công nghiệp

Nước thải khu vực công nghiệp tập trung cần thu gom bằng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra môi trường.

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nhà máy xử lý nước thải tập trung; Các nhà máy sản xuất công nghiệp và cụm công nghiệp nhỏ lẻ sẽ có hệ thống thoát nước và trạm xử lý nước thải riêng. Nước thải tập trung về các trạm làm sạch để xử lý, các trạm làm sạch sẽ được xây dựng độc lập đối với từng dự án và được phân theo các vùng.

- Trạm xử lý nước thải sản xuất Cụm CN Bà Trâm: Công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngđ (2030); 1.700 m<sup>3</sup>/ngđ (2040)

- Trạm xử lý nước thải sản xuất Cụm CN Tân Ngại: Công suất 300 m<sup>3</sup>/ngđ (2030); 600 m<sup>3</sup>/ngđ (2040)

- Trạm xử lý nước thải sản xuất Cụm CN tây Châu Thành: Công suất 2.400 m<sup>3</sup>/ngđ (2040)

- Trạm xử lý nước thải sản xuất Cụm CN Mỹ Chánh: Công suất 750 m<sup>3</sup>/ngđ (2040)

- Trạm xử lý nước thải Khu sản xuất Bảo Tiên: Công suất 250 m<sup>3</sup>/ngđ (2030); 450 m<sup>3</sup>/ngđ (2040)

### *b. Quản lý chất thải rắn*

- Giai đoạn đến năm 2030:

- Đối với CTR sinh hoạt: Sử dụng 3 điểm xử lý CTR hiện nay của huyện và các xã nhằm đáp ứng nhu cầu vệ sinh môi trường trong huyện.

Thị trấn Châu Thành, xã Hưng Mỹ và các xã được bố trí các điểm tập kết CTR, hàng ngày được xe chuyên dùng vận chuyển đến khu xử lý CTR của huyện hiện nay.

Hoàn thiện hạ tầng cho khu xử lý CTR cụm 2 xã cù lao Hòa Minh và Long Hòa.

- Đối với CTR công nghiệp: Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp. Việc xử lý triệt để CTR sản xuất sẽ được thực hiện tại khu liên hợp xử lý CTR của tỉnh tại xã Lương Hòa.

- Đối với CTR nông nghiệp: Các vùng sản xuất nông nghiệp (vùng trồng lúa, vùng trồng rau sạch, vùng trồng cây ăn quả có múi, vùng chăn nuôi tập trung...) cần thu gom bao bì, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón và xử lý theo quy trình chất thải rắn nguy hại. Đối với chất thải rắn phát sinh từ các sản phẩm nông nghiệp như rơm rạ, thân cây trồng, phân gia súc, gia cầm... phần lớn tái sử dụng làm thức ăn cho gia súc, phần còn lại xử lý bằng phương pháp ủ phân vi sinh, đốt tại chỗ.

+ CTR là phụ phẩm của cây lương thực (lúa, ngô): Làm thức ăn cho gia súc, đốt tại chỗ

+ CTR là phụ phẩm của cây có múi (bưởi, cam, chanh, quýt): Ủ làm phân vi sinh

+ CTR phát sinh từ chăn nuôi (gia súc, gia cầm): Bón cho cây trồng.

+ CTR nguy hại (bao bì đựng hóa chất bảo vệ thực vật): Thu gom và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng xử lý theo quy trình xử lý CTR nguy hại.

Giai đoạn đến năm 2040:

Đóng cửa các bãi rác Hòa Lợi, bãi rác thị trấn và khu xử lý rác Long Hòa; toàn bộ CTR phát sinh trên địa bàn huyện được thu gom và vận chuyển đến Khu liên hợp xử lý CTR của tỉnh đặt tại xã Lương Hòa được quy hoạch 54,9 ha theo định hướng quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

### *c. Nghĩa trang*

Nghĩa trang nhân dân tại các đô thị được quy hoạch lại, trước mắt sử dụng các nghĩa địa còn trống tại chỗ ở các ấp, khám để tiếp tục chôn cất; lấp đầy các nghĩa trang hiện có trong các xã đảm bảo khoảng cách an toàn tới khu dân cư, từng bước đóng cửa các nghĩa địa nhỏ lẻ và tiến tới quy hoạch mỗi xã có từ 1 đến 2 nghĩa địa tập trung.

+ Đối với đồng bào Kh'mer: Duy trì và phát huy các hình thức hỏa táng đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường.

+ Đối với đồng bào các dân tộc khác: Dự kiến quy hoạch nghĩa trang nhân dân huyện Châu Thành bằng việc mở rộng khu vực Dự kiến quy hoạch nghĩa trang nhân dân huyện Châu Thành bằng việc mở rộng khu vực Nghĩa trang nhân dân xã Mỹ Chánh, ấp Thanh Nguyên B, quy mô 2,31 ha, đảm bảo khoảng cách ly an toàn vệ sinh, đảm bảo khoảng cách ly an toàn vệ sinh.

Trang bị các phương tiện phục vụ tang lễ; Tổ chức dịch vụ tang lễ để phục vụ các nhu cầu về tang lễ của nhân dân.

## 8. Đánh giá môi trường chiến lược

### 8.1. Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng bảo vệ môi trường của khu vực phát triển đô thị; khu vực nông thôn; khu vực phát triển công nghiệp; khu vực phát triển văn hóa, du lịch; khu vực nông nghiệp; khu vực đất lâm nghiệp.

### 8.2. Quy định về môi trường đối với từng khu vực

- Khu công nghiệp, diện tích cây xanh được bố trí dày trong từng cơ sở công nghiệp với diện tích lớn, tạo khoảng cách ly vệ sinh với khu dân cư.

- Khu vực xây dựng nghĩa trang tập trung đảm bảo khoảng cách tối thiểu đến khu dân cư 500m và phải có hệ thống bảo vệ môi trường.

- Khu vực xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn đảm bảo khoảng cách ly tối thiểu 1.000m tới khu dân cư.

- Hệ thống xử lý nước thải: vùng đệm khu xử lý nước thải sẽ xây dựng hàng rào quanh công trình, trồng cây xanh với chiều rộng 10m.

## 9. Các dự án ưu tiên đầu tư

Ưu tiên các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu môi đảm bảo kết nối các khu vực phát triển đô thị và nông thôn; Ưu tiên các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị giữ vai trò chủ chốt, khu vực các cụm CN,...để làm động lực phát triển kinh tế của huyện; Ưu tiên các dự án phục vụ mục tiêu về đích huyện nông thôn mới, các dự án phát triển đô thị Châu Thành theo tiêu chí đô thị loại IV. Các dự án chính trang, nâng cấp công trình hạ tầng xã hội (công trình công cộng, công viên, cây xanh...) nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng khung về văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo...và hạ tầng kỹ thuật cấp vùng huyện, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Danh mục các Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư như sau:

TT	Danh mục dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2020-2030	2031-2040
<b>A</b>	<b>THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NTM</b>		
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã - Xây dựng các xã nông thôn mới nâng cao Hưng Mỹ, Song Lộc, Lương Hòa, Thanh Mỹ, Hòa Minh.	x	
2	Xây dựng các điểm dân cư mới (GD đến 2030 là 120ha; GD đến 2040 là 100ha)	x	x
3	Nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã - Xây dựng các xã nông thôn mới kiểu mẫu Thanh Mỹ, Hòa Minh	x	
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI</b>		
1	Xây dựng khu vui chơi cho người già và trẻ em liên ấp Chà Dur, Tân Ngại, Hòa Lạc A, Lương Hòa A	x	
2	Nâng cấp mở rộng khu vui chơi cho người già và trẻ em ấp Hòa Lạc C xã Lương Hòa A	x	
3	Cải tạo nâng cấp và mở rộng các trường thuộc đề án mầm non 05 tuổi, các trường tiểu học và THCS trên địa bàn huyện Châu Thành GD1	x	
4	Cải tạo nâng cấp và mở rộng các trường thuộc đề án mầm non 05 tuổi, các trường tiểu học và THCS trên địa bàn huyện Châu Thành GD2	x	



TT	Danh mục dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2020-2030	2031-2040
5	Cải tạo nâng cấp và mở rộng các trường thuộc đề án mầm non 05 tuổi, các trường tiểu học và THCS trên địa bàn huyện Châu Thành GD3	x	
6	Cải tạo nâng cấp và mở rộng các trường tiểu học và THCS trên địa bàn huyện Châu Thành GD4	x	
7	Sân bóng đá xã Hòa Thuận	x	
8	Trung tâm văn hóa TT huyện Châu Thành. (3 giai đoạn)	x	
9	Xây mới nhà làm việc các Hội thuộc UBND huyện	x	
10	Xây mới nhà làm việc phòng NN và PTNT	x	
11	Cải tạo NC nhà làm việc huyện ủy Châu Thành	x	
12	Cải tạo nâng cấp và MR khối đoàn thể	x	
13	Cải tạo nâng cấp và MR kho lưu trữ huyện	x	
14	Cải tạo nâng cấp và MR cụm QLHC xã Lương Hòa A	x	
15	Cải tạo nâng cấp và MR cụm QLHC xã Hòa Thuận	x	
16	Cải tạo nâng cấp và MR cụm QLHC xã Mỹ Chánh	x	
17	Cải tạo nâng cấp và MR cụm QLHC xã Phước Hào	x	
18	Cải tạo nâng cấp trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Châu Thành	x	
19	Nâng cấp cải tạo trung tâm y tế huyện, tăng giường bệnh lên 120-150 giường	x	x
20	Nâng cấp cải tạo trạm y tế các xã, thị trấn	x	x
21	Xây dựng trung tâm thương mại thị trấn Châu Thành	x	
22	Xây dựng trung tâm thương mại Hưng Mỹ, Song Lộc		x
23	Xây mới chợ Rạch Giồng xã Long Hòa	x	
24	Nâng cấp cải tạo chợ các xã	x	x
25	XD trường mới THPT tại thị trấn Châu Thành		x
26	Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện nhà văn hóa các xã	x	x
27	Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện sân TDTT các xã	x	
28	Cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện nhà văn hóa, sân TDTT các thôn, tổ dân phố	x	
29	Cải tạo nâng cấp trụ sở UBND huyện	x	
30	Cải tạo nâng cấp trụ sở UBND các xã, thị trấn	x	x
<b>C</b>	<b>CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ</b>		
31	XD hạ tầng các cụm công nghiệp	x	x
32	Dự án nông nghiệp công nghệ cao (2 khu có tổng diện tích 200ha)	x	x
33	Dự án du lịch tại các xã đảo		x
34	Dự án du lịch vùng huyện Châu Thành		x
<b>D</b>	<b>CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>		
	<b>Dự án cấp nước</b>		
35	Xây dựng trạm cấp nước áp Cồn Chim xã Hòa Minh	x	x
36	Xây dựng trạm cấp nước áp Cồn Cò xã Long Hòa	x	x
37	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước nông thôn tại các xã, thị trấn	x	x
	<b>Dự án thoát nước thải, vệ sinh môi trường</b>		
37	Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn	x	x

TT	Danh mục dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2020-2030	2031-2040
	Châu Thành 1.800 m3/ngđ		
38	Hoàn thiện khu xử lý chất thải rắn Long Hòa, quy mô 1,0 ha	x	
39	Xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn tỉnh Trà Vinh tại xã Lương Hòa, quy mô 54,9 ha	x	x
40	Xây dựng các điểm tập trung, trung chuyển CTR tại các xã, thị trấn	x	x
41	Xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện Châu Thành 2,31 ha, trang bị các phương tiện phục vụ tang lễ		x
	<b>Dự án cấp điện, hạ tầng viễn thông</b>		
42	Xây dựng mạch 2 Đường dây 220kV Duyên Hải – Trà Vinh 2 – Mỏ Cày , dây dẫn ACSR 2x400 mm2, chiều dài 20km	x	
43	Xây dựng thêm lộ 481-TV cấp điện qua 2 xã đảo Long Hòa - xã Hòa Minh	x	
44	Xây dựng lộ 482-TV cấp riêng cho cụm công nghiệp ấp Bà Trâm	x	
45	Xây dựng lộ 483-TV cấp điện cho cụm công nghiệp Mỹ Chánh , các khu chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã Mỹ Chánh	x	
46	Trạm 220KV Trà Vinh nâng công suất 2x250MVA		x
47	Xây dựng lộ 484-TV cấp điện cho cụm công nghiệp phía Tây tại xã Song Lộc, lộ liên kết mạch vòng với lộ 474-TV		x
48	Xây dựng tuyến cáp quang chính đến từng cụm xã Đa Lộc, Hòa Lợi, Hòa Minh, Hòa Thuận, Hưng Mỹ, Long Hòa, Lương Hòa, Lương Hòa A, Mỹ Chánh, Nguyệt Hóa, Phước Hào, Song Lộc, Thanh Mỹ.	x	x
	<b>Dự án giao thông</b>		
44	Mở rộng, nâng cấp đường huyện ĐH 16	x	
45	Mở rộng nâng cấp đường huyện ĐH 30	x	
46	Nâng cấp, mở mới tuyến ĐH 03 kết nối QL 53 sang ĐT 915B, tuyến trên Cồn Cò	x	
47	Cầu Cồn Cò kết nối ĐH 30	x	
48	Xây dựng mới đường H1		x
49	Xây dựng mới đường H2	x	
50	Xây dựng mới đường H3		x
51	Xây dựng mới đường H4		x
52	Xây dựng mới đường H5		x

### 10. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Xây dựng kế hoạch triển khai quy hoạch vùng huyện đã được phê duyệt đảm bảo theo giai đoạn phát triển, lựa chọn ưu tiên đầu tư tạo động lực; tổ chức công bố, công khai quy hoạch. Tổ chức lập các đề án điều chỉnh quy hoạch chung, xây dựng chương trình phát triển đô thị của huyện trên cơ sở đề án quy hoạch vùng được duyệt làm cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước xác định các khu vực phát triển đô thị, lập các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, nông thôn theo quy định.